

Số: 507 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận tại Công văn số 02/CV-HTNLTYT ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 256/SNV-TCCC ngày 11 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXNV, NCKSTTHC, SNV (Ngan-15).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh
Nguyễn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ
HỘI THIỆN NGUYỆN LAN TỎA YÊU THƯƠNG TỈNH BÌNH THUẬN
*(Kèm theo Quyết định số 507 /QĐ-UBND ngày 22 / 02 /2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

HỘI THIỆN NGUYỆN LAN TỎA YÊU THƯƠNG TỈNH BÌNH THUẬN

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi chung là Hội) là tổ chức xã hội tập hợp những cá nhân là lãnh đạo các doanh nghiệp, tiểu thương, các nhà hảo tâm có tấm lòng thiện nguyện, không phân biệt tuổi tác có địa chỉ sinh sống tại địa bàn tỉnh Bình Thuận nhằm vận động giúp đỡ những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người không may mắn trong cuộc sống, như: người khuyết tật, người già neo đơn, trẻ em nghèo học giỏi, những trường hợp bạo bệnh đột xuất...; tạo môi trường hoạt động năng động, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi toàn tỉnh Bình Thuận, trong lĩnh vực bảo trợ xã hội.

2. Hội chịu sự quản lý Nhà nước của UBND tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong tổ chức và hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực hoạt động của Hội.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên, các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được huy động và nhận các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự.

2. Hội viên chính thức: gồm các cá nhân doanh nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, tán thành Điều lệ và tự nguyện gia nhập Hội.

3. Hội viên danh dự: là những thành viên không hoạt động thường xuyên hoặc những nhà hảo tâm, công ty, cơ quan đồng hành và ủng hộ các hoạt động Hội có uy tín cao trong xã hội nhưng có những đóng góp to lớn cho

sự phát triển của Hội; tán thành Điều lệ Hội và tham gia hoạt động Hội, có thể được Ban Thường trực Hội công nhận là Hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
8. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội. Hội viên danh dự không phải đóng Hội phí.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ và quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác, chia sẻ và học hỏi với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng Hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra Hội

1. Thủ tục gia nhập Hội: các cá nhân, tổ chức đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội cần nộp hồ sơ gia nhập Hội tại Văn phòng Hội, gồm:

- a) Đơn xin tham gia Hội (theo mẫu do Hội quy định).
- b) Tờ thông tin trích ngang (theo mẫu do Hội quy định).

c) Ban Thường trực xem xét chấp nhận đơn gia nhập và ra quyết định công nhận hội viên mới. Kể từ ngày Hội có quyết định, hội viên được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều lệ này. Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày sau khi kết nạp, Văn phòng Hội thông báo danh sách hội viên mới cho tất cả các hội viên trong Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Thường trực. Quyền và nghĩa vụ hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường trực thông báo chấp thuận.

b) Ban Thường trực xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và đoàn kết của Hội.

- Đối với hội viên cá nhân: mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, mất tích hoặc chết.

- Đối với hội viên tổ chức: mất tư cách pháp nhân.

- Không tham gia hoạt động Hội theo nghĩa vụ của hội viên đã quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.

- Không đóng hội phí từ 01 (một) năm trở lên, trừ trường hợp có lý do được Ban Thường trực chấp nhận.

c) Ban Thường trực ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên chấm dứt kể từ khi có quyết định. Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày sau khi có quyết định chấm dứt tư cách hội viên, Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo đến Ban Chấp hành và toàn thể hội viên của Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG HỘI**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường trực.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng; Ban đối nội, đối ngoại; Ban sự kiện và Ban Phát triển hội viên.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể. Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, chương trình hoạt động, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội.

d) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng trong hoạt động của Hội.

đ) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

g) Các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

c) Quyết định hợp lệ của Đại hội có hiệu lực thi hành đối với mọi Hội viên kể cả các Hội viên vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

5. Khi triệu tập Đại hội, Ban Chấp hành phải công bố chương trình của Đại hội và phải gửi thư mời hội viên ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày dự định Đại hội.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín trong số các hội viên chính thức của Hội. Ban Chấp hành

ban hành nghị quyết để giải quyết các công việc trong phạm vi thẩm quyền, nghị quyết có giá trị thi hành khi có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tán thành. Ban Chấp hành báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế, nội quy và các quy định khác của Hội, quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các Ban chuyên môn; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Quyết định mức Hội phí và các vấn đề tài chính cho hoạt động của Hội.

e) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, bầu bổ sung các ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá $\frac{1}{3}$ (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành họp định kỳ 02 (hai) tháng một lần, họp vào ngày cuối tháng thứ 02 và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành

ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường trực gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định nhưng không vượt quá 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành.

b) Kiểm tra, theo dõi quá trình thực hiện các chương trình hoạt động của Hội, chương trình hoạt động của các Ban chuyên môn. Điều chỉnh các chương trình hoạt động (nếu cần thiết) phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng mục tiêu, tôn chỉ hoạt động của Hội.

c) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

d) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các đơn vị thuộc Hội.

đ) Quyết định kết nạp, khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

e) Quyết định các vấn đề khen thưởng, kỷ luật của Hội.

g) Thay mặt cho Hội trong mối quan hệ giao dịch với chính quyền, các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường trực mỗi tháng họp 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường trực.

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi

có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và các ủy viên do Đại hội bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Kiểm tra việc quản lý tài chính của Hội.

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d) Báo cáo hàng năm tại hội nghị Ban Chấp hành và tại Đại hội khi kết thúc nhiệm kỳ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập, làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước Hội về công tác kiểm tra của Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

4. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Các Phó Chủ tịch phụ trách các Ban chuyên môn chịu trách nhiệm xây dựng chương trình hoạt động của Ban căn cứ trên chương trình hành động chung của Hội và phối hợp với Văn phòng Hội để tổ chức, triển khai thực hiện. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Ủy viên Thư ký

Ủy viên Thư ký có những nhiệm vụ sau:

1. Phụ trách, lãnh đạo Văn phòng Hội thực hiện hiệu quả các chương trình hoạt động của Hội.

2. Phối hợp với các Ban hoạt động tổ chức triển khai các chương trình hành động của Hội.

3. Thay mặt Chủ tịch Hội giải quyết các công việc khi được ủy quyền.

4. Tổ chức, hoạt động, thực hiện theo quy chế được Ban Chấp hành ban hành, bao gồm cả quy chế quản lý tài chính, quản lý tài sản; lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về tổ chức của Hội.

5. Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội.

6. Chuẩn bị và dự thảo các báo cáo hàng năm và báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường trực.

7. Giúp Chủ tịch, Phó chủ tịch chuẩn bị các nội dung báo cáo tại các kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường trực.

8. Theo dõi công tác thi đua - khen thưởng (nếu có) và thu trích nộp hội phí, quỹ đóng góp của Hội viên.

9. Quản lý danh sách, hồ sơ, tài liệu của các hội viên và các tổ chức

trực thuộc do Hội thành lập.

10. Báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội.

11. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 19. Các Ban thuộc Hội

Các Ban được thành lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên do Ban Chấp hành quy định phù hợp từng thời điểm cụ thể.

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội bao gồm: trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận gồm 08 Chương, 26 Điều đã được Đại hội Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận lần thứ I, nhiệm kỳ 2022-2027 thông qua ngày 22 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ này, Ban Chấp hành Hội Thiện nguyện lan tỏa yêu thương tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện./.